**PHỤ LỤC 2**

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM; CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC;**

**TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ**

**I. TRƯỜNG MẦM NON**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên VTVL** | **Chức danh nghề nghiệp** | **Hạng chức danh nghề nghiệp tối đa** | **Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ** | **Ghi chú (vị trí kiêm nhiệm, vị trí chỉ bố trí HĐLĐ)** |
| **I** | **VTVL lãnh đạo, quản lý** |  |  |  |  |
| 1 | Hiệu trưởng | Giáo viên mầm non |  | Có bằng cử nhân giáo dục mầm non trở lên; hoặc có bằng cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non và có bằng cử nhân quản lý giáo dục mầm non |  |
| 2 | Phó hiệu trưởng | Giáo viên mầm non |  | Có bằng cử nhân giáo dục mầm non trở lên; hoặc có bằng cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non và có bằng cử nhân quản lý giáo dục mầm non |  |
| **II** | **VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành** |  |  |  |  |
| 1 | Giáo viên mầm non hạng I | Giáo viên mầm non | Hạng I | Có bằng cử nhân giáo dục mầm non trở lên; hoặc có bằng cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non và có bằng cử nhân quản lý giáo dục mầm non |  |
| 2 | Giáo viên mầm non hạng II | Giáo viên mầm non | Hạng II | Có bằng cử nhân giáo dục mầm non trở lên; hoặc có bằng cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non và có bằng cử nhân quản lý giáo dục mầm non |  |
| 3 | Giáo viên mầm non hạng III | Giáo viên mầm non | Hạng III | Có bằng cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên |  |
| 4 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (nếu có) | Giáo viên mầm non | Hạng III | Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên một trong các ngành: Sư phạm, Y tế, Công tác xã hội, Tâm lí học và có chứng chỉ nghiệp vụ về hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; |  |
| **III** | **VTVL chuyên môn dùng chung[[1]](#footnote-1)** |  |  |  |  |
| 1 | Văn thư | Văn thư trung cấp | Văn thư viên | Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp. |  |
| 2 | Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Kế toán viên | Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính. |  |
| 3 | Thủ quỹ |  |  |  | Kiêm nhiệm |
| 4 | Thư viện | Thư viện viên hạng IV | Thư viện viên hạng III | Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin – thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp |  |
| 5 | Y tế học đường |  |  | Có trình độ chuyên môn từ Y sĩ trung cấp trở lên | HĐLĐ (*trường hợp đã có viên chức đang đảm nhiệm vị trí “y tế học đường” thì giữ nguyên*) |
| **IV** | **VTVL hỗ trợ, phục vụ** |  |  |  |  |
| 1 | Nhân viên bảo vệ |  |  |  | HĐLĐ |
| 2 | Nhân viên nấu ăn (cô nuôi) |  |  |  | HĐLĐ |

**II. TRƯỜNG TIỂU HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên VTVL** | **Chức danh nghề nghiệp** | **Hạng chức danh nghề nghiệp tối đa** | **Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ** | **Ghi chú (vị trí kiêm nhiệm, vị trí chỉ bố trí HĐLĐ)** |
| **I** | **VTVL lãnh đạo, quản lý** |  |  |  |  |
| 1 | Hiệu trưởng | Giáo viên tiểu học |  | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học. Trường hợp không có giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định |  |
| 2 | Phó Hiệu trưởng | Giáo viên tiểu học |  | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học. Trường hợp không có giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định |  |
| **II** | **VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành** |  |  |  |  |
| 1 | Giáo viên tiểu học hạng I | Giáo viên tiểu học | Hạng I | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học. Trường hợp môn học không đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định |  |
| 2 | Giáo viên tiểu học hạng II | Giáo viên tiểu học | Hạng II | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học. Trường hợp môn học không đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định |  |
| 3 | Giáo viên tiểu học hạng III | Giáo viên tiểu học | Hạng III | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học. Trường hợp môn học không đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định  Đối với giáo viên Tổng phụ trách Đội: có thêm nghiệp vụ công tác Đội cùng chuyên ngành giảng dạy hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đội theo quy định |  |
| 4 | Giáo vụ | Giáo viên tiểu học | Hạng III | Có bằng tốt nghiệp từ Đại học sư phạm trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học hoặc có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên phù hợp với vị trí giáo vụ |  |
| 5 | Tư vấn học sinh | Giáo viên tiểu học và tương đương | Hạng III | Có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên phù hợp với vị trí tư vấn học sinh hoặc có bằng tốt nghiệp từ Đại học sư phạm trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học | Kiêm nhiệm |
| 6 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (nếu có) | Nhân viên | Viên chức loại A0 | Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên một trong các ngành: Sư phạm, Y tế, Công tác xã hội, Tâm lí học và có chứng chỉ nghiệp vụ về hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành |  |
| **III** | **VTVL chuyên môn dùng chung[[2]](#footnote-2)** |  |  |  |  |
| 1 | Thư viện | Thư viện viên hạng IV | Thư viện viên hạng II | Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin – thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp |  |
| 2 | Quản trị công sở | Chuyên viên |  | Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm[[3]](#footnote-3) |  |
| 3 | Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Kế toán viên | Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính. |  |
| 4 | Thủ quỹ |  |  |  | Kiêm nhiệm |
| 5 | Văn thư | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên | Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp. |  |
| 66 | Y tế học đường | Y sĩ | Viên chức loại B | Có trình độ chuyên môn từ y sĩ trung cấp trở lên | HĐLĐ (*trường hợp đã có viên chức đang đảm nhiệm vị trí “y tế học đường” thì giữ nguyên*) |
| **IV** | **VTVL hỗ trợ, phục vụ** |  |  |  |  |
| 1 | Nhân viên bảo vệ |  |  |  | HĐLĐ |

**III. TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên VTVL** | **Chức danh nghề nghiệp** | **Hạng chức danh nghề nghiệp tối đa** | **Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ** | **Ghi chú (vị trí kiêm nhiệm, vị trí chỉ bố trí HĐLĐ)** |
| **I** | **VTVL lãnh đạo, quản lý** |  |  |  |  |
| 1 | Hiệu trưởng | Giáo viên THCS |  | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên THCS. Trường hợp không có giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định |  |
| 2 | Phó Hiệu trưởng | Giáo viên THCS |  | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên THCS. Trường hợp không có giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định |  |
| **II** | **VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành** |  |  |  |  |
| 1 | Giáo viên THCS hạng I | Giáo viên THCS | Hạng I | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên THCS. Trường hợp môn học không đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định |  |
| 2 | Giáo viên THCS hạng II | Giáo viên THCS | Hạng II | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên THCS. Trường hợp môn học không đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định |  |
| 3 | Giáo viên THCS hạng III | Giáo viên THCS | Hạng III | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên THCS. Trường hợp môn học không đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định  Đối với giáo viên Tổng phụ trách Đội: có thêm nghiệp vụ công tác Đội cùng chuyên ngành giảng dạy hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đội theo quy định |  |
| 4 | Thiết bị, thí nghiệm | Viên chức loại A0 | Viên chức loại A0 | Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành công nghệ thiết bị trường học, hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm trường học |  |
| 5 | Giáo vụ | Giáo viên THCS hạng III | Chuyên viên/ Giáo viên THCS hạng III | Có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên phù hợp với vị trí giáo vụ hoặc có bằng tốt nghiệp từ Đại học sư phạm trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên THCS |  |
| 6 | Tư vấn học sinh | Giáo viên THCS hạng III và tương đương | Chuyên viên/ Giáo viên THCS hạng III | Có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên phù hợp với vị trí tư vấn học sinh hoặc có bằng tốt nghiệp từ Đại học sư phạm trở lên | Kiêm nhiệm |
| 7 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (nếu có) | Viên chức loại A0 | Viên chức loại A0 | Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên một trong các ngành: Sư phạm, Y tế, Công tác xã hội, Tâm lí học và có chứng chỉ nghiệp vụ về hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; |  |
| **III** | **VTVL chuyên môn dùng chung[[4]](#footnote-4)** |  |  |  |  |
| 1 | Thư viện | Thư viện viên hạng IV | Thư viện viên hạng II | Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin – thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp |  |
| 2 | Quản trị công sở | Chuyên viên | Chuyên viên | Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm[[5]](#footnote-5) |  |
| 3 | Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Kế toán viên | Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính. |  |
| 4 | Thủ quỹ |  |  |  | Kiêm nhiệm |
| 5 | Văn thư | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên | Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp. |  |
| 66 | Y tế học đường | Y sĩ (viên chức loại B) | Y sĩ (viên chức loại B) | Có trình độ chuyên môn từ y sĩ trung cấp trở lên | HĐLĐ (*trường hợp đã có viên chức đang đảm nhiệm vị trí “y tế học đường” thì giữ nguyên*) |
| **IV** | **VTVL hỗ trợ, phục vụ** |  |  |  |  |
| 1 | Nhân viên bảo vệ |  |  |  | HĐLĐ |

**IV. TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP- GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên VTVL** | **Chức danh nghề nghiệp** | **Hạng chức danh nghề nghiệp tối đa** | **Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ** | **Ghi chú (vị trí kiêm nhiệm, vị trí chỉ bố trí HĐLĐ)** |
| **I** | **VTVL lãnh đạo, quản lý** |  |  |  |  |
| 1 | Giám đốc | Chuyên viên hoặc Giáo viên THPT hạng III hoặc Giáo viên giáo dục nghề nghiệp |  | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên THPT hoặc có bằng cử nhân trở lên phù hợp với vị trí giáo dục nghề nghiệp |  |
| 2 | Phó Giám đốc | Chuyên viên hoặc giáo viên THPT hạng III hoặc giáo viên giáo dục nghề nghiệp |  | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên THPT hoặc có bằng cử nhân trở lên phù hợp với vị trí giáo dục nghề nghiệp |  |
| **II** | **VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành** |  |  |  |  |
| 1 | Giáo viên THPT hạng II | Giáo viên THPT | Hạng II | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên THPT. Trường hợp môn học không đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định |  |
| 2 | Giáo viên THPT hạng III | Giáo viên THPT | Hạng III | Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên THPT. Trường hợp môn học không đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm theo quy định |  |
| 3 | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp | Hạng II | Giáo viên giảng dạy lý thuyết có bằng Thạc sĩ trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giáo viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp theo quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp |  |
| 4 | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp | Hạng III | Có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy. |  |
| 5 | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp | Hạng III | Có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp theo quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp để dạy thực hành trình độ trung cấp. |  |
| 6 | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng IV | Giáo viên giáo dục nghề nghiệp | Hạng IV | Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề hoặc trung cấp trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy, hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp theo quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp để dạy trình độ sơ cấp. |  |
| 7 | Giáo vụ | Giáo viên THPT hạng III và tương đương | Giáo viên THPT hạng III/Chuyên viên | Có bằng tốt nghiệp từ Đại học sư phạm trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên THPT hoặc có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy lĩnh vực nghề nghiệp |  |
| 8 | Tư vấn học sinh | Giáo viên THPT hạng III và tương đương | Giáo viên THPT hạng III/Chuyên viên | Có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên phù hợp với vị trí tư vấn học sinh hoặc có bằng tốt nghiệp từ Đại học sư phạm trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên THPT | Kiêm nhiệm |
| **III** | **VTVL chuyên môn dùng chung[[6]](#footnote-6)** |  |  |  |  |
| 1 | Thư viện | Thư viện viên hạng IV | Thư viện viên hạng II | Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin – thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp |  |
| 2 | Thiết bị, thí nghiệm | Viên chức loại A0 | Viên chức loại A0 | Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên chuyên ngành công nghệ thiết bị trường học, hoặc có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm trường học |  |
| 3 | Kế toán | Kế toán viên trung cấp | Kế toán viên | Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính. |  |
| 4 | Văn thư | Văn thư viên trung cấp | Văn thư viên | Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp. |  |
| 5 | Thủ quỹ |  |  |  | Kiêm nhiệm |
| **IV** | **VTVL hỗ trợ, phục vụ** |  |  |  |  |
| 1 | Nhân viên bảo vệ |  |  |  | HĐLĐ |

1. 5 vị trí việc làm này nếu không bố trí được biên chế viên chức thì thực hiện chế độ hợp đồng lao động hoặc bố trí giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm. Các trường mầm non căn cứ khối lượng công việc, số lượng biên chế để xác định số lượng người làm việc của từng vị trí và nhiệm vụ kiêm nhiệm phù hợp [↑](#footnote-ref-1)
2. 06 vị trí việc làm này, nếu không bố trí được biên chế viên chức thì thực hiện chế độ hợp đồng lao động hoặc bố trí giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm. Các trường Tiểu học căn cứ khối lượng công việc, số lượng biên chế để xác định số lượng người làm việc của từng vị trí và nhiệm vụ kiêm nhiệm phù hợp [↑](#footnote-ref-2)
3. Hiện Bộ GD&ĐT đang xác định rõ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm này. Sở Nội vụ sẽ hướng dẫn cụ thể sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [↑](#footnote-ref-3)
4. 06 vị trí việc làm này, nếu không bố trí được biên chế viên chức thì thực hiện chế độ hợp đồng lao động hoặc bố trí giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm. Các trường Trung học cơ sở căn cứ khối lượng công việc, số lượng biên chế để xác định số lượng người làm việc của từng vị trí và nhiệm vụ kiêm nhiệm phù hợp [↑](#footnote-ref-4)
5. Hiện Bộ GD&ĐT đang xác định rõ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm này. Sở Nội vụ sẽ hướng dẫn cụ thể sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [↑](#footnote-ref-5)
6. 05 vị trí việc làm này, nếu không bố trí được biên chế viên chức thì thực hiện chế độ hợp đồng lao động hoặc bố trí giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm. Các Trung tâm căn cứ khối lượng công việc, số lượng biên chế để xác định số lượng người làm việc của từng vị trí và nhiệm vụ kiêm nhiệm phù hợp [↑](#footnote-ref-6)